Phẩm 4: NÓI VỀ TU ĐỐI TRỊ

Đã nói về chân thật, nay kế sẽ nói về tu các đối trị, tức tu tất cả phần pháp Bồ-đề, trong đó phải nói đến tu niệm trú. Tụng rằng:

Dùng nhân ái thô nặng
Vì không mê việc ngã
Để nhập bốn Thánh đế
Phải biết tu niệm trú.

Luận chép: Sự thô nặng do thân mà được hiện rõ nên quán sát thân nầy mà được nhập Khổ Thánh đế, vì thân lấy các hành thô nặng làm tướng, dùng các thô nặng tức là tánh hành khổ. Nhờ Thánh đế nầy mà quán hữu lậu đều là khổ, các thọ hữu lậu gọi là nhân của ái nên quán sát nhân nầy được nhập Tập Thánh đế. Vì tâm là chỗ nương của duyên sự chấp ngã nên quán sát chấp nầy mà được nhập Diệt Thánh đế. Vì sợ ngã đoạn diệt, do đây mà được xa lìa, nhờ quán sát pháp nên đối với pháp nhiễm và tịnh xa lìa sự ngu mê, được nhập Đạo Thánh đế. Cho nên để nhập lý bốn Thánh đế, đầu tiên nói về sự tu bốn niệm trú quán. Đã nói về tu niệm trú, nay sẽ nói tu chánh đoạn. Tụng rằng:

Đã trị chướng biết khắp
Tất cả thứ khác nhau Vì
xa lìa tu tập
Siêng tu bốn chánh đoạn.

Luận chép: Tu niệm trú trước, đã có thể đối trị tất cả chướng biết khắp của các phẩm thứ khác nhau. Nay vì xa lìa chướng sở tri và để tu tập đạo năng đối trị nên đối với bốn chánh đoạn luôn siêng năng tu tập. Như nói: đã sinh pháp ác bất thiện, thì khiến nó dứt trừ cho đến nói rộng. Đã nói về tu chánh đoạn, nay sẽ nói về tu thần túc. Tụng rằng:

Nương trú tánh chịu đựng,
Là tất cả việc thành
Diệt trừ hết năm lỗi
Siêng tu tám hạnh đoạn.

Luận chép: Nương theo đã tu tập ở trước mà xa lìa tập tinh tấn, tâm liền an trú có chỗ nhẫn chịu. Vì để thành tựu thắng sự nên tu bốn thần túc, những cái mà ta mong muốn là nhân của thắng sự. Trú là tâm trú, tâm trú nầy tức là Đẳng trì. Kế chánh đoạn là nói bốn thần túc. Tánh có thể nhẫn chịu nầy nghĩa là có thể dứt trừ năm lỗi và tu tám hạnh đoạn. Năm lỗi là: Tụng rằng:

Biếng nhác quên lời Thánh

Và hôn trầm, trạo cử
Không tác hành, tác hành
Phải biết năm lỗi nầy.

Luận chép: Phải biết trong đây, hôn trầm và trạo cử hợp thành một lỗi. Nếu vì hôn trầm, trạo cử mà không khởi gia hạnh, hoặc đã diệt trừ hôn trầm, trạo cử lại khởi gia hạnh thì đều có lỗi. Vì trừ năm lỗi nầy nên tu tám hạnh đoạn. Làm sao an lập hành tướng kia? Tụng rằng:

Vì dứt trừ biếng nhác
Tu dục, cần, tín, an
Tức sở y, năng y
Và sở nhân, năng quả
Vì trừ bốn lỗi khác
Tu niệm trí tư xả
Ký ngôn giác trầm trạo
Phục hành diệt đẳng lưu.

Luận chép: Vì diệt biếng nhác nên tu bốn hạnh đoạn: Một là dục; hai là chánh cần; ba là tín; bốn là khinh an, phải biết theo thứ lớp như vậy. Tức sở y..., sở y là chỗ nương tựa của dục và chánh cần, năng y là chánh cần nương theo dục mà khởi. Sở nhân là tín là chỗ nương tựa, dục sinh khởi nhân gần, nếu tin nhận nhân đó thì liền hy vọng. Năng quả là an là năng y, siêng năng thì gần với quả sở sinh. Người siêng năng tinh tấn thì được thắng định, vì muốn đối trị bốn lỗi sau. Như thường tu bốn hạnh đoạn còn lại: một là niệm; hai là chánh tri; ba là tư; bốn là xả, phải biết theo thứ lớp. Tức "ký ngôn, v.v...", ký ngôn nghĩa là niệm có thể không quên cảnh, vì ghi nhớ lời bậc Thánh dạy. Giác, trầm, trạo nghĩa là chánh tri do ghi nhớ lời dạy liền có thể thuận theo giác hai lỗi hôn trầm, trạo cử. Phục hạnh nghĩa là tư, do có thể đã tùy giác lỗi hôn trầm, trạo cử, vì muốn phục trừ nên phát khởi gia hành. Diệt đẳng lưu nghĩa là hôn trầm, trạo cử kia đã dứt diệt rồi, tâm liền trú xả bình đẳng mà lưu chuyển. Đã nói về tu thần túc, nay sẽ nói về tu năm căn. Sự tu năm căn an lập thế nào? Tụng rằng:

Đã trồng thuận giải thoát
Lại tu năm tăng thượng
Là dục hành không quên
Không tán loạn, tư trạch.

Luận chép: Do bốn thần túc nên tâm có sự nhẫn chịu, gốc lành thuận phần giải thoát đã tròn đầy. Lại phải tu tập năm thứ tăng thượng: Một là dục tăng thượng. Hai là gia hành tăng thượng. Ba là không quên

cảnh tăng thượng. Bốn là không tán loạn tăng thượng. Năm là tư duy chọn lựa tăng thượng. Năm thứ nầy như thứ lớp của năm căn như: là tín căn, v.v... Đã nói về tu năm căn, nay sẽ nói tu năm lực, năm lực là gì? Thứ lớp thế nào? Tụng rằng:

Chướng tổn gọi là lực
Nhân quả lập thứ lớp.

Luận chép: Tức nói năm căn như: tín căn, v.v... đã nói ở trước có thế dụng cao siêu, lại gọi là lực, nghĩa là thường diệt trừ chướng bất tín..., cũng không bị bất tín kia xen lẫn. Thứ lớp của năm thứ nầy nương vào nhân quả mà lập, vì nương vào nhân trước nên dẫn đến quả sau. Nghĩa là nếu tin chắc chắn có nhân quả, vì để đắc quả nầy nên phát siêng năng tinh tấn, siêng năng tinh tấn rồi liền trú chánh niệm, trú chánh niệm rồi, thì tâm liền đắc định, tâm được định rồi có thể biết như thật. Đã biết như thật thì không việc gì chẳng làm xong, nên thứ lớp nầy nương vào nhân quả mà lập. Như đã nói trước, thuận phần giải thoát đã tròn đầy rồi lại tu năm căn. Địa vị nào tu tập thuận phần quyết trạch, là địa vị năm căn, năm lực phải chăng? Tụng rằng:

Thuận quyết trạch hai hai
Ở năm căn năm lực.

Luận chép: Trong thuận phần quyết trạch, hai thứ Noãn, Đảnh ở địa vị năm căn; Nhẫn, Pháp Thế đệ nhất ở địa vị năm lực. Đã nói về tu năm lực, nay sẽ nói về tu giác chi, làm sao an lập sự tu giác chi?

Tụng rằng:

Giác chi lược có năm
Là tự tánh sở y
Xuất ly và lợi ích
Và ba chi vô nhiễm.

Luận chép: Vì hai chi nầy giúp cho việc tỉnh giác nên gọi là chi giác. Do địa vị giác chi nầy ở tại kiến đạo nên nói rộng có bảy thứ, lược gọi là năm chi. Một là chi giác nương tựa, đó là niệm; hai là chi giác tự tánh, đó là trạch pháp; ba là chi giác xuất ly, đó là tinh tấn; bốn là chi giác lợi ích, đó là hỷ; năm là chi giác vô nhiễm, chi nầy lại có ba thứ: Là an, định và xả. Vì sao lại nói chi vô nhiễm là ba thứ? Tụng rằng:

Do chỗ nương nhân duyên
Nghĩa tự tánh khác nhau
Nên khinh an, định, xả
Gọi là chi vô nhiễm.

Luận chép: Khinh an tức là nhân duyên vô nhiễm, thô nặng là

nhân sinh các tạp nhiễm, khinh an là đối trị gần tạp nhiễm kia. Sở y nghĩa là tự tánh định, tức là xả. Nghĩa vô nhiễm nầy, có ba thứ khác nhau. Đã nói về tu giác chi, nay sẽ nói tu đạo chi, làm sao an lập việc tu đạo chi? Tụng rằng:

Phân biệt và chỉ dạy
Khiến người tin có ba
Đối trị chướng cũng ba
Nên đạo chi thành tám.

Luận chép: Ở địa vị tu đạo mà kiến lập đạo chi nên đạo chi nầy nói rộng có tám, nói lược có bốn: Một là chi phân biệt, đó là chánh kiến. Chánh kiến nầy tuy là thế gian nhưng về sau được xuất thế gian, do điều mà mình chứng có khả năng phân biệt trong địa vị kiến đạo. Hai là chi chỉ dạy người, nghĩa là cùng khởi một phần của chánh tư duy và chánh ngữ, vì để phát lời chỉ dạy người. Ba là chi làm cho người tin theo, chi nầy có ba thứ là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Bốn là chi đối trị chướng cũng có ba thứ, đó là chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Do đạo chi nầy nói lược có bốn thứ, nói rộng có tám thứ, vì sao hai chi sau, mỗi chi đều chia làm ba? Tụng rằng:

Xa lìa biểu kiến giới
Khiến người tin nhận sâu
Đối trị gốc tùy hoặc
Và vì chướng tự tại.

Luận chép: Ba thứ: chánh ngữ, chánh nghiệp, v.v... đã lần lượt nêu bày, rồi xa lìa kiến giới khiến cho người tin nhận. Nghĩa là dùng chánh ngữ để nghị luận (quyết trạch) phân chọn một cách chắc rõ khiến cho người tin biết. Đã có thắng tuệ, vì có chánh nghiệp nên không làm tà nghiệp, làm cho người tin hiểu. Đã có tịnh giới, vì có chánh mạng nên hợp thời hợp lượng như pháp mà khất cầu các vật như: y bát, v.v... làm cho người kính tin. Đã có sự xa lìa cao siêu, ba thứ: Chánh tinh tấn, chánh niệm... vốn tùy theo chướng phiền não và chướng tự tại mà đối trị theo thứ lớp. Sự đối trị nầy nói lược có ba thứ: Một là phiền não căn bản, đó là do tu mà dứt; hai là phiền não tùy thuộc, đó là hôn trầm, trạo cử; ba là chướng tự tại, nghĩa là chướng điều dẫn dắt công đức thắng phẩm. Trong đó, chánh tinh tấn có thể đối trị riêng, ban đầu là đối trị phiền não vì sự siêng năng tu đạo. Chánh niệm có thể đối trị riêng thứ hai là trong các tướng như: chỉ, v.v... hộ niệm an trú, xa lìa hôn trầm và trạo cử. Chánh định có thể đối trị thứ ba riêng là nương vào tĩnh lự cao siêu có thể mau chóng dẫn phát công đức cao siêu của các thần thông,

... làm sao phải biết tu trị sai khác? Tụng rằng:

Hữu đảo thuận vô đảo
Vô đảo theo hữu đảo
Vô đảo theo vô đảo
Là tu trị khác nhau.

Luận chép: Sự tu trị nầy nói lược có ba thứ: Một là có điên đảo thuận theo không điên đảo. Hai là không điên đảo có khi theo điên đảo. Ba là không điên đảo tùy theo không điên đảo. Ba thứ tu tập đối trị sai khác như vậy theo thứ lớp là sự tu đối trị của dị sinh, địa vị Hữu học, Vô học, Bồ-tát, Nhị thừa đều có tướng sai khác, làm sao để biết? Tụng rằng:

Chỗ Bồ-tát tu tập
Do sở duyên tác ý
Nhờ chứng đắc cao siêu
Sai khác với Nhị thừa.

Luận chép: Thanh văn và Độc giác dùng thân nối tiếp của mình làm cảnh mà tu tập đối trị. Bồ-tát quen dùng thân nối tiếp của mình và người làm cảnh mà tu tập đối trị. Thanh văn, Độc giác đối với các cảnh như, thân, v.v... để tư duy các hành tướng như: vô thường, v.v... mà tu đối trị. Nếu các Bồ-tát đối với các cảnh, như thân, v.v... để tư duy hành tướng vô sở đắc mà tu đối trị. Thanh văn, Độc giác tu niệm trú, v.v... chỉ vì thân để mau chóng được lìa ràng buộc, còn các Bồ-tát tu niệm trú... không vì thân để mau chóng được xa lìa ràng buộc, mà chỉ vì chứng đắc Niết-bàn vô trụ. Việc tu đối trị của Bồ-tát và Nhị thừa do ba duyên nầy mà có sai khác.

Nghĩa chung của tu đối trị nghĩa là tu khai giác, tu tổn giảm, tu trang nghiêm, tu phát khởi hướng thượng, tu lân cận. Nghĩa là vì kiến đạo lân cận nên tu chứng nhập, tu thêm lớn sự cao siêu, tu sơ vị, tu trung vị, tu hậu vị, tu hữu thượng (có quả vị cao hơn nữa), tu vô thượng (không có quả vị nào hơn nữa). Nghĩa là sở duyên của tác ý đạt đến cao siêu.